

Thứ sáu, ngày 16 tháng 4 năm 2021

Vietnam Daily Review

Tiếp tục giảm điểm

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 19/4/2021		•	
Tuần 19/4-23/4/2021		•	
Tháng 4/2021		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VNIndex duy trì sắc xanh trong phần lớn phiên sáng nhưng đã quay đầu dần giảm điểm trong phiên chiều và hiện đã trở lại dưới ngưỡng 1240. Trên thị trường, dòng tiền đầu tư suy giảm và chỉ còn 3/19 nhóm ngành tăng điểm. Trong khi đó, khối ngoại bán ròng trên sàn HSX và mua ròng trên sàn HNX. Ngoài ra, độ rộng thị trường duy trì trạng thái tiêu cực với thanh khoản gia tăng so với phiên trước. Theo nhận định hiện tại, VNIndex nhiều khả năng vẫn sẽ vận động trong khu vực 1220-1250 vào tuần giao dịch tiếp theo.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 16/4/2021, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch tăng.

Phân tích kỹ thuật: HPG_Tích cực (Trang 3)

Cập nhật: GAS_Sàn lượng chưa được như kỳ vọng (Trang 6)

Điểm nhấn

- VN-Index **-8.54** điểm, đóng cửa **1238.71**. HNX-Index **-3.01** điểm, đóng cửa **293.11**.
- Kéo chỉ số tăng: NVL (+1.78); VIC (+1.56); BCM (+1.04); PDR (+0.42); EIB (+0.13).
- Kéo chỉ số giảm: GVR (-1.28); VNM (-1.21); BID (-1.1); VCB (-1.08); VPB (-0.68).
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **20,048 tỷ đồng**, **+5.33%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt 21,759 tỷ đồng.
- Biên độ dao động là 27.47 điểm. Thị trường có **81** mã tăng, 36 mã tham chiều và **355** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-560.83** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VHM (-180.9 tỷ), HPG (-155.9 tỷ) và VNM (-149 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **29.04** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nguyễn Tiến Đức

ducnt@bsc.com.vn

Nhóm Phân tích định lượng- i-Invest

Đỗ Nam Tùng

tungdn@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX **1238.71**
Giá trị: 20048.3 tỷ **-8.54 (-0.68%)**
Khối ngoại (ròng): -560.83 tỷ

HNX-INDEX **293.11**
Giá trị: 2711.28 tỷ **-3.01 (-1.02%)**
Khối ngoại (ròng): 29.04 tỷ

UPCOM-INDEX **81.79**
Giá trị: 1524.4 tỷ **-0.91 (-1.1%)**
Khối ngoại (ròng): -3.48 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	63.7	0.39%
Giá vàng	1,764	0.00%
Tỷ giá USD/VND	23,072	-0.01%
Tỷ giá EUR/VND	27,648	0.12%
Tỷ giá JPY/VND	21,189	-0.13%
LS liên NH 1 tháng	0.7%	37.31%
LS TPCP 5 năm	1.2%	0.00%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
NVL	89.8	VHM	180.9
MBB	43.3	HPG	155.9
FLC	35.3	VNM	149.0
FUEVFN	25.9	CTG	55.8
DXG	23.6	BID	34.6
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường hàng hóa	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Cập nhật doanh nghiệp	Trang 6
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 7
Thống kê thị trường	Trang 8
Khuyến nghị dài hạn	Trang 9
Báo cáo mới nhất	Trang 10
iBroker	Trang 11
Khuyến cáo sử dụng	Trang 12

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 16/4

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	63.37	-0.14%	6.80%	-1.90%	78.41%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	66.90	-0.06%	6.30%	-1.40%	88.34%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	UScent/gallon	205.01	-0.08%	4.50%	0.10%	94.58%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1760.73	-0.18%	1.00%	0.90%	3.10%		PNJ
Bạc	USD/ounce	25.78	-0.29%	2.00%	-2.10%	69.97%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	1415.50	0.32%	1.20%	0.70%	65.94%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	655.50	0.00%	2.30%	4.00%	20.66%		AFX
Sữa	USD /cwt	18.62	0.65%	-3.90%	3.80%	19.05%	VNM, GTN	KDC
Cao su*	JPY/kg	215.89	-0.94%	0.80%			DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	16.31	2.71%	7.40%	3.70%	43.32%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	US cent/lb	134.70	0.48%	3.80%	0.40%	6.40%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD /ton	9284.00	2.31%	3.10%	2.20%	80.62%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép*	USD/ton	781.80	-0.46%	0.70%	9.00%		HSG, HPG	PC1, CTD
Thép HRC*	USD/ton	822.36	-0.96%	0.20%	10.00%			
Nhôm	USD/ton	2339.00	0.67%	2.50%	7.70%	54.64%		CAV, SAM
Quặng sắt*	USD/ton	160.55	1.04%	6.40%	13.20%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	90.60	0.95%	6.00%	5.30%	49.50%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Dầu thô Brent tăng 36 US cent, tương đương 0.5%, lên 66.94 USD/thùng. Dầu thô Tây Texas WTI tăng 31 US cent (0.5%) lên 63.46 USD/thùng.
- Hàng loạt các yếu tố tích cực đang đẩy giá dầu tăng lên. Trong phiên này, nổi bật là việc chứng khoán Mỹ tăng điểm lên mức cao kỷ lục trong khi USD giảm mạnh. Các dữ liệu về doanh số bán lẻ và kết quả kinh doanh lạc quan của một số công ty đã đẩy chỉ số S&P 500 và Dow Jones tăng lên mức cao kỷ lục. Nhà đầu tư ngày càng tin tưởng vào sự hồi phục của nền kinh tế lớn nhất thế giới. Trong khi đó, đồng USD tiếp tục xu hướng giảm xuống mức thấp nhất 4 tuần so với rổ các đồng tiền chủ chốt, khiến cho giá dầu trở nên rẻ hơn đối với những người nắm giữ các loại tiền tệ khác. Yếu tố này dự báo sẽ còn tiếp tục có lợi cho giá dầu thô trong thời gian tới.
- Cả Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA) và Tổ chức các nước xuất khẩu dầu mỏ (OPEC) trong báo cáo tháng này đều nâng mức dự báo về nhu cầu dầu toàn cầu năm 2021 lên lần lượt tăng 5.7 triệu thùng/ngày và tăng 5.95 triệu thùng/ngày trong năm 2021 so với năm 2020. Tồn trữ dầu thô của Mỹ tuần vừa qua giảm 5.9 triệu thùng, cao hơn rất nhiều so với dự đoán của các nhà phân tích là sẽ giảm 2.9 triệu thùng, trong đó dự trữ tại các kho ở Bờ Đông giảm xuống mức thấp kỷ lục do tỷ lệ sử dụng công suất sản xuất của các nhà máy lọc dầu Mỹ đã hồi phục đến mức cao nhất kể từ tháng 3/2020, là 85%.

Giá vàng

- Vàng giao ngay trên sàn LBMA tăng 1.8% lên 1,766.50 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 6/2021 trên sàn New York tăng 1.8% lên 1,766.80 USD/thùng.
- USD yếu đi khiến cho vàng trở nên hấp dẫn đối với những nhà đầu tư sử dụng các loại tiền tệ khác. Đồng USD đã liên tiếp giảm giá trong thời gian gần đây, hôm nay xuống mức thấp nhất 4 tuần, trong khi lợi suất trái phiếu kho bạc Mỹ kỳ hạn 10 năm tiếp tục giảm góp phần đắc lực đẩy giá vàng tăng.
- Các dữ liệu kinh tế Mỹ vừa phát đi đều cho thấy lạm phát cao đang hiện hữu. Theo đó, doanh số bán lẻ tháng 3 vượt mức kỳ vọng, số đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu giảm xuống mức thấp nhất kể từ giữa tháng 3/2020. Chỉ số CPI tháng 3 đã tăng 2.6% so với cùng kỳ năm ngoái, trong đó riêng giá xăng tăng 22.5%. Lý do bởi gói kích thích kinh tế trị giá 1.9 nghìn tỷ USD khiến nhu cầu đối với hàng hóa và dịch vụ tăng nhanh đúng vào thời điểm nguồn cung sau giai đoạn bị đứt gãy vẫn chưa hồi phục hoàn toàn.

Giá sắt thép

- Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 9/2021 trên sàn Đại Liên tăng 3.6% lên 1,049 CNY (160.56 USD)/tấn. Giá quặng hàm lượng 62% sắt nhập khẩu tới cảng biển Trung Quốc hôm 14/4 là 173.5 USD/tấn.
- Theo Hiệp hội Sắt thép Trung Quốc, sản lượng thép thô hàng ngày tại các nhà máy thép lớn của nước này đạt 2.3 triệu tấn trong 10 ngày đầu tháng 4, tăng 2.9% so với cuối tháng 3 và tăng 16.9% so với cùng kỳ năm ngoái.
- Thép thanh kỳ hạn tháng 10/2021 trên sàn Thượng Hải giảm 0.5% xuống 5,107 CNY/tấn. Thép cuộn cán nóng giảm 0.6% xuống 5,393 CNY/tấn.

Giá cao su

- Giá cao su kỳ hạn tháng 9/2021 trên sàn Osaka tăng 4.8 JPY, tương đương 2.1%, lên 236.9 JPY/kg. Giá cao su kỳ hạn tháng 9/2021 trên sàn Thượng Hải tăng 1.4% lên 13,730 CNY/tấn.

	16/4	% 16/4	15/4	% 15/4	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1238.71	-0.68%	1247.25	-0.69%	0.57%	4.44%
S&P 500			4170.42	1.11%	1.79%	5.08%
HĐTL S&P500	4159.50	-0.07%	4162.40	1.08%	0.97%	4.94%
Shang- hai	3426.62	0.81%	3398.99	-0.52%	-0.70%	-0.58%
Euro Stoxx	4005.91	0.31%	3993.43	0.43%	0.68%	4.60%

Phân tích kỹ thuật

HPG_Tích cực

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương, MACD cắt lên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: vùng trung lập, xu hướng tăng

Nhận định: HPG duy trì nhịp tăng nhẹ trong phiên giao dịch hôm nay. Thanh khoản cổ nằm trên ngưỡng giao dịch trung bình 20 phiên, đồng thuận với nhịp tăng giá cổ phiếu. Chỉ báo MACD ủng hộ xu hướng tăng giá cổ phiếu trong khi chỉ báo RSI cho thấy một nhịp điều chỉnh ngắn hạn. Đường giá cổ phiếu nằm trên dải mây Ichimoku vẫn ủng hộ nhịp tăng giá trung hạn. Nhà đầu có thể cân nhắc mở vị thế quanh ngưỡng giá 54.0 và chốt lời khi cổ phiếu tiếp cận ngưỡng 61.0. Cắt lỗ nếu mất ngưỡng hỗ trợ 52.0



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

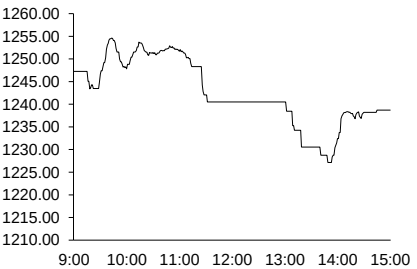
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Bất động sản	1.09%
Bán lẻ	-0.04%
Tài nguyên Cơ bản	-0.05%
Y tế	-0.46%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.49%
Công nghệ Thông tin	-0.80%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-1.09%
Truyền thông	-1.17%
Xây dựng và Vật liệu	-1.38%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-1.39%
Ngân hàng	-1.41%
Thực phẩm và đồ uống	-1.42%
Dịch vụ tài chính	-1.86%
Du lịch và Giải trí	-1.93%
Bảo hiểm	-2.09%
Ô tô và phụ tùng	-2.55%
Dầu khí	-2.56%
Hóa chất	-3.26%
Viễn thông	-3.33%

Hình 1

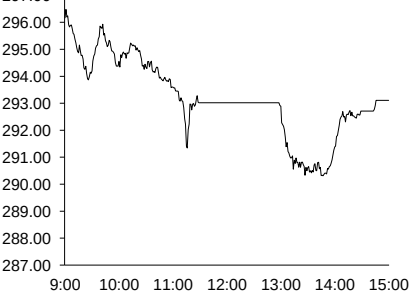
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
4/15/2021	NKG	25.35	30.5	22	25.5	1	0.59%	Có thể giữ nguyên vị thế
4/14/2021	MSR	22.6	23.9	21	22	2	-2.65%	Có thể giữ nguyên vị thế
4/12/2021	TCB	42.15	46.5	38	40.45	4	-4.03%	Có thể giữ nguyên vị thế
4/9/2021	FPT	82.1	96	72.5	79.7	7	-2.92%	Có thể giữ nguyên vị thế
4/8/2021	TNG	24.9	27.8	21.3	23	8	-7.63%	Cần nhắc cắt lỗ sớm
4/6/2021	ANV	23.8	26.5	21.7	22.05	10	-7.35%	Cần nhắc cắt lỗ sớm
4/2/2021	CTS	17.3	19	15	16.55	14	-4.34%	Có thể giữ nguyên vị thế
3/30/2021	GMD	33.85	37.3	31.6	33.5	17	-1.03%	Có thể giữ nguyên vị thế
3/23/2021	PWA	14.4	15.8	12.8	13.8	24	-4.17%	Có thể giữ nguyên vị thế
3/19/2021	BVH	61	67.1	55.8	57.9	28	-5.08%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
3/17/2021	FRT	30.25	36	28	28.65	30	-5.29%	Có thể giữ nguyên vị thế
2/22/2021	BCG	14.2	19.5	11.8	13.7	53	-3.52%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
2/9/2021	KBC	38.6	46	35	37.9	66	-1.81%	Có thể giữ nguyên vị thế
2/1/2021	DDG	31	34	29.4	33.1	74	6.77%	Có thể giữ nguyên vị thế
1/27/2021	VNP	9.6	11.3	8.1	9.6	79	0.00%	Cần nhắc đóng vị thế (*)

Chú thích:
 (*) Trạng thái kỹ thuật không tốt
 (**) Tiệm cận giá mục tiêu

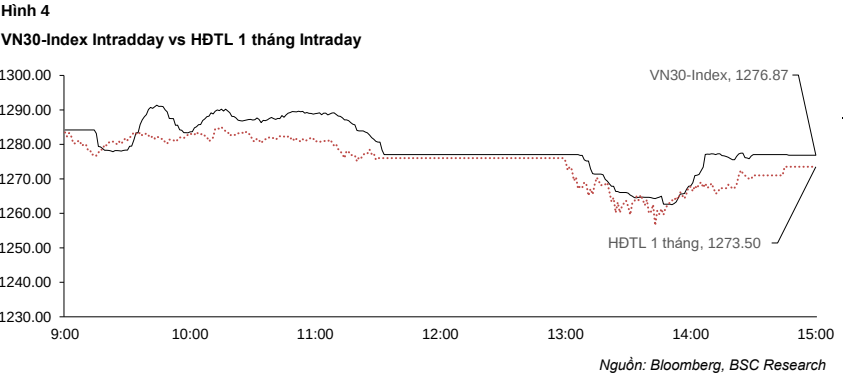
Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
4/13/2021	MSN	94.2	98.2	89.1	TP	3	4.25%
4/7/2021	VRE	35.4	39	33.5	SL	9	-5.37%
4/5/2021	VCB	102	112.5	97	SL	9	-4.90%
4/1/2021	VNM	101	110	98	SL	15	-2.97%
3/31/2021	SAB	180	200	173	SL	14	-3.89%
3/29/2021	CII	25.55	28.5	22.5	SL	18	-11.94%
3/26/2021	EVG	11.2	16	9.5	FS	17	27.68%
3/25/2021	VPH	5.88	6.8	5.3	TP	19	15.65%
3/24/2021	SSN	7.4	10	6	FS	16	25.68%
3/22/2021	AMV	13.4	14.8	12	SL	4	-10.45%
3/18/2021	DRC	28.55	32	27	SL	29	-5.43%
3/16/2021	FIR	26.7	29.4	25.5	SL	9	-4.49%
3/15/2021	ITA	7.17	8.75	6.7	SL	11	-6.56%
3/12/2021	SHB	17.7	19.8	16.3	TP	6	11.86%
3/11/2021	STB	19.3	21.7	18	TP	20	12.44%

Chú thích:
 Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất
 TP - Đã chốt lời
 SL - Đã cắt lỗ
 FS - Đóng vị thế sớm

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	3	12	2.46%	-4.15%	-2.83%	28
Cổ phiếu đã chốt	130	70	13.34%	-7.84%	5.93%	28

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2105	1284.20	-0.60%	7.33	-12.6%	154,811	5/20/2021	34
VN30F2106	1280.00	-0.06%	3.13	198.9%	529	6/17/2021	62
VN30F2109	1280.00	-0.08%	3.13	198.9%	529	9/16/2021	153
VN30F2112	1273.30		-3.57		103	12/16/2021	244

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index giảm −7.33 điểm, xuống 1276.87 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VPB, VNM, TCB, HDB, VJC tác động mạnh đến điều chỉnh giảm của VN30. VN30 giằng co quanh 1280-1290 điểm trong phiên sáng, trước khi giảm mạnh, có thời điểm xuống gần 1260 điểm trong phiên chiều. VN30 có thể vận động tích lũy trong những phiên tiếp theo.
- Các HĐTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, ngoại trừ VN30F2109, các hợp đồng đều tăng. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F2106, các hợp đồng đều giảm. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua cho các hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CMWG2104	3/22/2022	340	10:1	695,800	28.62%	2,400	3,830	13.65%	1,700	2.25	159,000	135,000	134,000
CNVL2003	6/11/2021	56	10:1	1,530,200	26.11%	1,000	4,620	10.00%	4,449	1.04	73,979	63,979	108,000
CVHM2102	7/6/2021	81	10:1	1,063,200	28.33%	1,900	2,980	8.76%	1,561	1.91	106,000	87,000	101,000
CHPG2104	7/5/2021	80	3:1	256,900	32.23%	1,500	5,100	6.69%	3,516	1.45	49,300	44,800	54,600
CVHM2008	6/11/2021	56	10:1	1,398,100	28.33%	1,400	2,400	4.35%	1,332	1.80	102,888	88,888	101,000
CHPG2103	7/6/2021	81	2:1	415,500	32.23%	3,900	7,700	3.36%	6,572	1.17	49,800	42,000	54,600
CHPG2018	5/14/2021	28	4:1	869,100	32.23%	1,200	6,160	-0.16%	6,178	1.00	34,799	29,999	54,600
CVIC2005	6/11/2021	56	10:1	974,200	31.50%	1,500	4,080	-0.49%	3,695	1.10	121,868	106,868	143,000
CVIC2004	4/27/2021	11	20:1	1,065,100	31.50%	1,000	2,080	-0.95%	2,157	0.96	119,999	99,999	143,000
CVRE2013	7/30/2021	105	1:1	613,100	31.93%	5,000	8,450	-1.05%	7,054	1.20	32,500	27,500	33,950
CSTB2007	4/27/2021	11	2:1	344,900	39.74%	1,500	5,600	-2.10%	5,580	1.00	13,999	10,999	22,100
CTCB2101	10/5/2021	172	1:1	560,500	33.39%	5,000	13,500	-2.17%	2,462	5.48	36,000	31,000	40,450
CSTB2010	6/11/2021	56	2:1	402,500	39.74%	1,100	5,240	-2.96%	5,094	1.03	14,199	11,999	22,100
CSTB2014	6/14/2021	59	1:1	249,600	39.74%	3,800	10,300	-3.74%	10,192	1.01	15,800	12,000	22,100
CVPB2016	5/4/2021	18	1:1	117,700	36.42%	4,800	22,110	-3.87%	22,013	1.00	31,800	27,000	48,950
CMBB2010	6/14/2021	59	1:1	460,200	31.84%	4,600	14,480	-4.04%	14,322	1.01	20,600	16,000	30,200
CTCB2012	7/30/2021	105	1:1	436,200	33.39%	5,400	19,000	-4.23%	18,749	1.01	27,400	22,000	40,450
CKDH2001	5/14/2021	28	4:1	53,700	30.13%	1,400	1,600	-6.43%	1,321	1.21	31,822	26,222	31,400
CVRE2014	5/4/2021	18	1:1	779,400	31.93%	4,600	6,420	-7.36%	6,515	0.99	32,100	27,500	33,950
Tổng				12,285,900	32.60%**								
Chú thích:			Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất					CR: Tỷ lệ chuyển đổi					
			Lãi suất phi rủi ro là 4.75%					Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn					
			**Trung bình độ lệch chuẩn					*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes					

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 16/4/2021, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch tăng.
- CMWG2104 và CNVL2101 tăng mạnh lần lượt là 13.65% và 10.04%. Trái lại, CREE2006 và CVRE2015 giảm mạnh lần lượt là -24.25% và -11.76%. Giá trị giao dịch tăng 2.08%. CTCB2012 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 6.47% thị trường.
- CHPG2102, CHPG2105, CKDH2004, CREE2006, và CVRE2015 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CHPG2101, CVPB2011, và CHPG2022 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CHPG2020, CVPB2015, và CVPB2016 là những chứng quyền tích cực nhất xét lãi.

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM (Theo dõi): Sản lượng chưa được như kỳ vọng

Báo cáo phân tích gần nhất: [Link](#)

'Mã cổ phiếu: GAS (HSX), Vốn hóa: 164,600 tỷ VND, Số lượng cổ phiếu lưu hành: 1,913.95 triệu cổ phiếu, Giá thị trường: 86,000 VND, Sở hữu nước ngoài: 0.41%

Chuyên viên phân tích: Thái Ngọc Lan Hương, CFA

QUAN ĐIỂM ĐẦU TƯ

Kế hoạch kinh doanh năm 2021: Công ty đặt kế hoạch DTT và LNST lần lượt là 70,169 tỷ VND (+9% YoY) và 7,036 tỷ VND (-12% YoY). Cổ tức tiền mặt năm 2020 là 30% (3,000 VND/CP). Công ty đặt mục tiêu cổ tức tiền mặt năm 2021 là 25%.

Cập nhật tình hình kinh doanh Quý 1 năm 2021: DTT dự đạt 17,845 tỷ VND (+4% YoY), hoàn thành 25.4% KH; LNST dự đạt 2,234 tỷ VND (-5% YoY), hoàn thành 31.8% KH.

Sản lượng khí ẩm khai thác đạt 1,998 triệu m3 (-15% YoY) chỉ đạt 20.5% KH và do (1) nhu cầu/huy động khí cho sản xuất điện ở mức thấp so với kế hoạch và cùng kỳ năm trước, và (2) một số sự cố thượng nguồn xảy ra ngoài kế hoạch. Cùng với đó, sản lượng condensate đạt 16.1 nghìn tấn (+6% YoY), chỉ đạt 14.8% KH. Sản lượng LPG đạt 473.1 nghìn tấn (+11% YoY), đạt 29.6% KH.

Giá dầu trung bình Q1/2021 đạt 61 USD/thùng (+20% YoY), cao hơn 35% so với kế hoạch năm 2021 giúp công ty vượt kế hoạch doanh thu – lợi nhuận Q1.

Tiến độ dự án LNG Thị Vải giai đoạn 1: Thi công đúng tiến độ, dự kiến đi vào hoạt động từ Q3/2022 theo đúng kế hoạch. Về hạ nguồn tiêu thụ, tiến độ thi công NMD Nhơn Trạch 3&4 chậm hơn so với tiến độ, dự kiến hoàn thành vào năm 2023. Vì vậy, công ty đang xây dựng phương án cung cấp khí LNG cho thị trường tiêu thụ công nghiệp trong thời gian chờ đợi NMD Nhơn Trạch 3&4 đi vào hoạt động.

Công ty đã thắng gói thầu cung cấp LNG cho Dự án Trung tâm Điện lực Long Sơn của khách hàng GENCO3. Theo kế hoạch, dự án sẽ xây dựng theo lộ trình 3 giai đoạn từ năm 2019 - 2025 bao gồm: xây dựng cảng LNG (khí thiên nhiên hóa lỏng) đầu mối với công suất 3,5 triệu tấn/năm và 3 nhà máy Turbin khí đều có công suất 2x600M. Tổng nguồn vốn dự kiến của dự án khoảng 4,39 tỷ USD.

Kế hoạch tái cấu trúc: Công ty có kế hoạch thoái vốn tại PV GAS South và PV PIPE trong năm 2021, và sẽ tiếp nhận chuyển nhượng phần vốn tại PETEC từ PV OIL nhằm duy trì và phát triển hạ tầng khu công nghiệp tại Cái Mép.

Quan điểm đầu tư: BSC khuyến nghị Theo dõi cổ phiếu GAS trong năm 2021 và điều chỉnh giảm mức giá mục tiêu xuống mức 96,600 VND/CP (+12.3 % so với giá đóng cửa ngày 16/04/2021) với dự phóng kinh doanh năm 2021 lần lượt là DTT= 74,217 tỷ VND (+16% yoy) LNST= 11,136 tỷ VND (+39% yoy), EPS FW 2021 = 5,702 VND/CP do điều chỉnh giả định về sản lượng khí của công ty từ mức 10.2 tỷ m3 (+15% yoy) xuống mức 9,2 tỷ m3 (+3% yoy).

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	134.0	0.1%	1.0	2,770	4.5	8,654	15.5	3.9	49.0%	28.4%
PNJ	Bán lẻ	90.9	-1.4%	1.0	899	2.8	4,532	20.1	3.9	49.0%	20.9%
BVH	Bảo hiểm	57.9	-2.9%	1.5	1,869	3.5	2,087	27.7	2.1	27.4%	7.9%
PVI	Bảo hiểm	33.5	-2.0%	0.5	326	0.0	3,404	9.8	1.1	54.3%	11.1%
VIC	Bất động sản	143.0	1.3%	0.7	21,030	18.5	1,689	84.7	5.9	14.6%	7.1%
VRE	Bất động sản	34.0	-0.1%	1.1	3,354	9.8	1,048	32.4	2.6	30.7%	8.5%
VHM	Bất động sản	101.0	-0.5%	1.1	14,445	29.2	8,314	12.1	3.9	22.9%	38.6%
DXG	Bất động sản	24.3	-0.8%	1.3	546	8.8	(956)		2.0	33.2%	-7.5%
SSI	Chứng khoán	34.0	-2.6%	1.4	955	27.0	2,094	16.2	2.1	45.8%	13.1%
VCI	Chứng khoán	64.4	-1.8%	1.0	464	3.7	4,662	13.8	2.4	25.1%	17.9%
HCM	Chứng khoán	32.0	-3.3%	1.5	424	7.8	1,738	18.4	2.2	46.6%	12.1%
FPT	Công nghệ	79.7	-0.5%	0.9	2,734	7.6	4,520	17.6	4.0	49.0%	23.8%
FOX	Công nghệ	76.5	0.0%	0.4	910	0.0	5,165	14.8	4.4	0.0%	30.0%
GAS	Dầu khí	86.0	0.0%	1.3	7,157	2.2	4,102	21.0	3.4	2.7%	16.2%
PLX	Dầu khí	52.8	-2.6%	1.5	2,855	3.4	723	73.0	3.0	16.3%	4.5%
PVS	Dầu khí	23.4	-0.8%	1.6	486	8.6	1,306	17.9	0.9	8.6%	5.1%
BSR	Dầu khí	16.6	-1.2%	0.8	2,238	9.5	(909)	N/A	1.7	41.1%	-8.7%
DHG	Dược	97.5	-0.5%	0.4	554	0.0	5,443	17.9	3.6	54.6%	20.5%
DPM	Hóa chất	19.0	-2.1%	0.7	323	1.1	1,765	10.8	0.9	14.1%	8.6%
DCM	Hóa chất	17.1	-1.4%	0.6	394	3.1	1,017	16.8	1.4	3.3%	8.7%
VCB	Ngân hàng	96.3	-1.3%	1.1	15,529	6.4	4,975	19.4	3.8	23.3%	21.1%
BID	Ngân hàng	42.0	-2.6%	1.3	7,345	8.6	1,740	24.1	2.2	17.0%	9.3%
CTG	Ngân hàng	42.0	-0.5%	1.3	6,799	39.6	3,678	11.4	1.8	26.3%	16.9%
VPB	Ngân hàng	49.0	-1.9%	1.2	5,224	17.2	4,271	11.5	2.3	23.4%	21.9%
MBB	Ngân hàng	30.2	-1.3%	1.2	3,675	23.3	2,965	10.2	1.8	22.9%	19.2%
ACB	Ngân hàng	33.1	-2.2%	1.0	3,111	12.2	3,557	9.3	2.0	30.0%	24.3%
BMP	Nhựa	60.6	0.0%	0.7	216	0.3	6,385	9.5	2.0	81.3%	21.2%
NTP	Nhựa	34.8	-2.0%	0.5	178	0.0	3,526	9.9	1.6	18.9%	16.1%
MSR	Tài nguyên	21.9	-1.4%	0.7	1,047	1.0	39	561.5	1.7	10.1%	0.3%
HPG	Thép	54.6	0.0%	1.1	7,865	67.4	4,060	13.4	3.1	30.5%	25.2%
HSG	Thép	31.5	-0.3%	1.3	608	15.8	3,387	9.3	2.0	7.2%	24.3%
VNM	Tiêu dùng	96.9	-2.1%	0.7	8,805	20.7	4,770	20.3	6.5	55.8%	33.9%
SAB	Tiêu dùng	169.1	-1.5%	0.8	4,715	1.2	7,064	23.9	5.4	63.0%	24.4%
MSN	Tiêu dùng	100.1	-1.5%	0.9	5,112	13.3	1,054	95.0	7.4	32.5%	4.2%
SBT	Tiêu dùng	22.0	0.5%	1.2	590	2.4	946	23.3	1.7	8.2%	7.4%
ACV	Vận tải	70.6	-0.6%	0.8	6,682	0.6	577	122.4	4.1	3.4%	3.4%
VJC	Vận tải	129.0	-0.2%	1.1	2,938	2.4	132		4.5	19.2%	0.5%
HVN	Vận tải	31.0	-2.2%	1.7	1,912	1.6	(7,705)		6.9	9.2%	-89.3%
GMD	Vận tải	33.5	-2.5%	1.0	439	4.0	1,149	29.2	1.7	37.5%	5.8%
PVT	Vận tải	17.3	-1.7%	1.3	243	2.5	2,068	8.4	1.1	12.1%	14.4%
VCS	Vật liệu xây dựng	93.4	-0.1%	1.0	650	1.0	8,257	11.3	3.9	3.8%	39.1%
VGC	Vật liệu xây dựng	33.0	-1.5%	0.4	643	0.4	1,340	24.6	2.3	6.6%	9.5%
HT1	Vật liệu xây dựng	17.5	-3.0%	0.9	290	0.9	1,592	11.0	1.2	3.2%	11.3%
CTD	Xây dựng	67.9	-2.2%	1.0	219	1.7	4,158	16.3	0.6	45.2%	3.8%
CII	Xây dựng	22.8	-4.2%	0.5	237	3.1	1,030	22.1	1.1	32.0%	5.1%
REE	Điện	51.0	-1.7%	-1.4	685	1.5	5,250	9.7	1.4	49.0%	14.9%
PC1	Điện	25.4	-2.7%	-0.4	211	1.3	2,438	10.4	1.2	12.0%	13.8%
POW	Điện	13.2	-1.9%	0.6	1,344	12.3	1,010	13.1	1.1	3.8%	8.5%
NT2	Điện	21.1	-2.8%	0.5	264	0.5	2,095	10.1	1.4	15.5%	14.3%
KBC	Khu công nghiệp	37.9	-1.3%	1.1	774	8.0	478	79.3	1.8	22.1%	2.4%
BCM	Khu công nghiệp	56.1	0%	1.0	2,525	0.1			3.6	2.0%	

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIC	143.00	1.27	1.62	2.99MLN
NVL	108.00	5.88	1.58	3.86MLN
PDR	71.00	5.03	0.40	4.89MLN
EIB	26.20	2.75	0.23	1.41MLN
LPB	18.95	2.16	0.11	21.68MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
VCB	0.00	-1.28	1.52MLN	1.11MLN
GVR	0.00	-1.28	5.10MLN	607060
BID	0.00	-1.18	4.67MLN	373600
VNM	0.00	-1.17	4.88MLN	192700
VPB	0.00	-0.62	7.97MLN	611640

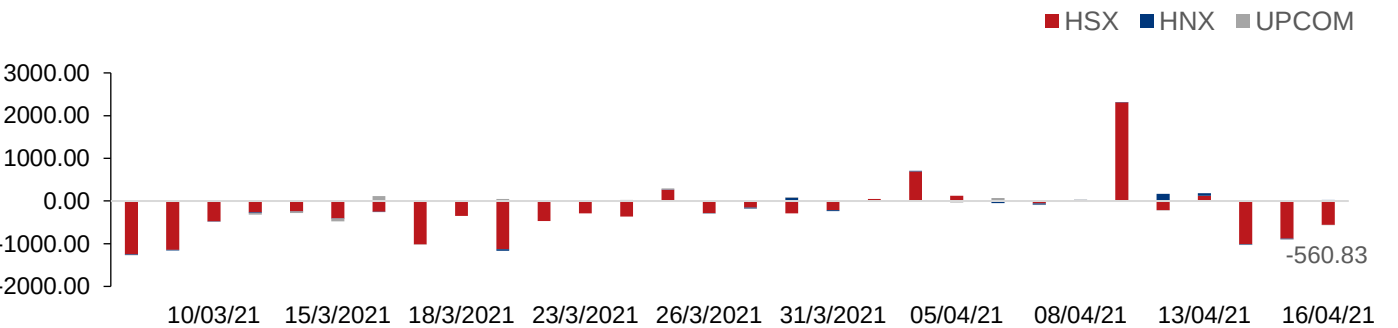
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ROS	7.71	6.93	0.08	101.77MLN
CMV	15.45	6.92	0.00	100
HMC	19.55	6.83	0.01	198800
HVX	7.12	6.75	0.01	96900
MHC	11.30	6.60	0.01	2.22MLN

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
QCG	8.70	-8.13	-0.06	2.41MLN
TDG	4.56	-7.69	0.00	1.11MLN
TNI	4.59	-7.27	-0.01	3.51MLN
YEG	22.00	-7.17	-0.01	572600
HAS	15.35	-6.97	0.00	6900

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	AAA	Nhựa	Theo dõi	26/2/20	12.6	15.0	17.9	1,387	12.9	1.1	Click
2	ACB	Ngân hàng	Mua	25/2/21	31.7	41.5	33.1	3,557	9.3	2.0	Click
3	ACV	Vận tải	Mua	13/11/20	68.2	87.6	70.6	577	122.4	4.1	Click
4	CSV	Hóa chất	Theo dõi	22/3/21	32.8	40.0	29.0	4,043	7.2	1.3	Click
5	CTG	Ngân hàng	Mua	25/2/21	37.1	49.4	42.0	3,678	11.4	1.8	Click
6	DBC	Thực phẩm	Mua	8/6/20	54.0	71.3	57.0	13,724	4.2	1.4	Click
7	DGC	Hóa chất	Theo dõi	23/2/21	58.4	72.8	68.8	5,734	12.0	2.6	Click
8	DGW	Bán lẻ	Mua	25/2/21	92.1	110.3	115.5	6,245	18.5	4.3	Click
10	DPM	Hóa chất	Mua	11/3/21	19.1	23.0	19.0	1,765	10.8	0.9	Click
11	DRC	Cao su	Mua	20/2/20	23.3	28.8	27.5	2,158	12.7	1.9	Click
12	DXG	Bất động sản	Mua	9/3/21	22.5	30.2	24.3	-956		2.0	Click
13	FPT	Viễn thông	Mua	11/3/21	76.7	86.0	79.7	4,520	17.6	4.0	Click
14	GMD	Vận tải	Mua	17/3/20	16.4	27.2	33.5	1,149	29.2	1.7	Click
15	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/20	27.3	N/a	41.0	6,175	6.6	2.1	Click
16	HPG	VLXD	Mua	26/2/21	45.4	55.6	54.6	4,060	13.4	3.1	Click
17	HSG	VLXD	Theo dõi	30/9/20	15.2	15.8	31.5	3,387	9.3	2.0	Click
18	HT1	VLXD	Mua	19/11/20	17.4	19.8	17.5	1,592	11.0	1.2	Click
19	KBC	Bất động sản	Mua	28/8/20	13.5	17.1	37.9	478	79.3	1.8	Click
20	KDH	Bất động sản	Mua	12/8/20	24.2	31.3	31.4	2,044	15.4	2.2	Click
21	LPB	Ngân hàng	Mua	11/11/20	11.8	14.5	19.0			1.4	Click
22	MPC	Thủy sản	Theo dõi	15/9/20	29.1	33.5	38.7	3,258	11.9	1.5	Click
23	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/20	63.9	70.8	100.1	1,054	95.0	7.4	Click
24	MWG	Bán lẻ	Mua	28/12/20	117.3	168.8	134.0	8,654	15.5	3.9	Click
25	NLG	Bất động sản	Mua	23/2/21	25.0	34.6	34.2	3,127	10.9	1.6	Click
27	PHR	Cao su	Mua	20/4/20	43.7	51.8	53.8	7,985	6.7	2.3	Click
28	PLC	Dầu khí	Mua	11/11/20	24.5	34.7	26.1	1,830	14.3	1.7	Click
29	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/3/21	84.7	100.4	90.9	4,532	20.1	3.9	Click
30	POW	Điện	Mua	16/11/20	10.0	12.0	13.2	1,010	13.1	1.1	Click
31	PVD	Dầu khí	Mua	5/3/21	25.3	29.6	21.9	0	53.6	0.7	Click
32	PVS	Dầu khí	Mua	18/11/20	15.6	18.3	23.4	1,306	17.9	0.9	Click
35	SAB	Tiêu dùng	Theo dõi	17/9/20	188.2	193.3	169.1	7,064	23.9	5.4	Click
36	SBT	Đường	Mua	26/3/21	22.7	27.6	22.0	946	23.3	1.7	Click
38	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	39.8	52.0	40.5	3,521	11.5	1.9	Click
39	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	100.0	131.8	96.3	4,975	19.4	3.8	Click
40	VEA	Vận tải	Theo dõi	18/9/20	44.9	46.6	43.0	4,166	10.3	2.3	Click
41	VGT	Dệt may	N.A	19/8/20	7.3	N.A	15.3	570	26.8	1.2	Click
42	VHC	Thủy sản	Theo dõi	18/8/20	36.7	39.0	36.1	3,953	9.1	1.3	Click
43	VNM	Tiêu dùng	Mua	27/8/20	117.1	122.1	96.9	4,770	20.3	6.5	Click
44	VHM	Bất động sản	Mua	30/11/20	82.6	102.4	101.0	8,314	12.1	3.9	Click
45	GVR	Khu công nghiệp	Mua	9/12/20	20.1	23.6	25.5	943	27.0	2.1	Click
46	C4G	Xây dựng	Mua	14/12/20	10.2	12.9	11.0	566	19.4	1.0	Click
47	GE2	Điện	Mua	20/1/20		25.5					Click
48	PRE	Bảo hiểm	Mua	25/12/20	19.9	22.0					Click
48	SCS	Hàng Không	Theo dõi	4/1/20	128.5	140.0	128.5	9,182	14.0	6.9	Click
49	VPB	Ngân hàng	Mua	29/12/20	33.0	40.0	49.0	4,271	11.5	2.3	Click
50	VRE	Bất động sản	Mua	19/10/20	27.6	36.7	34.0	1,048	32.4	2.6	Click
51	VTP	Viễn thông	Mua	19/5/20	125.0	145.9	82.6	4,060	20.3	5.7	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
2	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
3	Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
4	Banking Sector Outlook		x	Click
5	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
6	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
7	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
8	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
9	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
10	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
11	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
12	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
13	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
14	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
15	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
16	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
17	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	x		Click
18	Fishery Outlook 2021		x	Click
19	Cơ hội thu hút dòng tiền của Việt Nam sau MSCI Review	x		Click
20	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		x	Click
21	Vĩ mô Thị trường quý 3.2020	x		Click
22	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	x		Click
23	Chemical sector Outlook 2H.2020		x	Click
24	Banking sector Outlook 2H.2020		x	Click
25	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	x		Click
26	BSC_Vietnam Sector Outlook_3Q2020		x	Click
27	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 7.2020	x		Click
28	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	x		Click
29	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	x		Click
30	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	x		Click
31	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020		x	Click
32	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	x		Click
33	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	x		Click
34	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 2.2020	x		Click
35	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	x		Click
36	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector		x	Click
37	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona)	x		Click
38	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 1.2020	x		Click
39	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020		x	Click
40	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	x		Click



BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.

- 

Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...
- 

Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.
- 

Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.
- 

Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

[Sử dụng iBroker tại đây](#)[Link](#)

[Bản công bố rủi ro](#)[Link](#)

[Video hướng dẫn sử dụng](#)[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express AGG 2021Q1	1/4/21	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 34380 Kế hoạch 2021: Dự kiến doanh thu chủ yếu đến từ (i) mảng bán căn hộ - tiến hành bàn giao các dự án River Panorama 1 & 2, Sky89, The Sóng và The Standard; (ii) Ngoài ra, dự kiến dự án West gate sẽ hỗ trợ doanh thu mảng tư vấn và môi giới trong 2021. Khuyến nghị NĂM GIỮ ; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish
Express ELC 2021Q1	23/3/21	Dự báo KQKD: Kế hoạch năm 2021. doanh thu ~ 800 tỷ (không bao gồm các dự án liên quan đến gói ITS cao tốc), tỷ suất lợi nhuận cải thiện. Sau năm 2021: Doanh thu trên 1,000 tỷ ELC dự kiến Q3.2021 đấu thầu gói ITS của đường cao tốc, 2021 đấu thầu 3 – 4 gói ITS nội đô ở tỉnh. Có 500 tỷ doanh thu từ 2020 chuyển sang (tỷ trọng các mảng cân bằng) Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 55600 ; Giá tại Publish 45350
HPG 2021Q1	26/2/21	Cập nhật KQKD: BSC dự báo doanh thu 2021 của HPG đạt 116,437 tỷ đồng (+29.2% YoY), LNST 18,981 tỷ đồng (+41.2% YoY, +35% so với dự báo gần nhất của chúng tôi), tương đương EPS = 5,526 đồng/CP (giả định trích quỹ khen thưởng phúc lợi 5%).

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639